

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 375/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-11-2023

V/v “Tranh chấp của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Văn Đoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Tới

Ông Duyên Văn Hiền

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Cẩm Hương - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 679/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 406/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Kim B, sinh năm: 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

Bị đơn: Anh Lê Văn X, sinh năm: 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Kim B trình bày:* Chị và anh Lê Văn X chung sống với nhau vào năm 2005, chỉ tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay thấy không thể tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu ly hôn anh X.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Lim Hoài, sinh năm 2012, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh X cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị xác định không có.

Về nợ chung: Chị xác định không có.

* *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn X trình bày:* Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn đúng như chị B trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị B yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Lim Hoài, sinh năm 2012, hiện đang sống với chị B. Khi ly hôn chị B yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh cấp dưỡng, anh đồng ý.

Về tài sản chung: Anh xác định không có.

Về nợ chung: Anh xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị B, anh X có Đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Dương Kim B và anh anh Lê Văn X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh X là đúng quy định. Chị B yêu cầu được ly hôn nhưng không đăng ký kết hôn nên xác định là tranh chấp “Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Hội đồng xét xử nhận định, giữa chị Dương Kim B và anh Lê Văn X tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, tuy anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản hòa giải ngày 08/11/2023, chị B xác định do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên yêu cầu ly hôn với anh X và anh X cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B. Do chị B với anh X không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy pháp luật không công nhận chị Dương Kim B và anh Lê Văn X là vợ chồng.

[3] Con chung: Chị B và anh X có 01 con chung tên Lê Lim Hoài, sinh ngày 11/7/2012, hiện đang sống với chị B. Khi ly hôn chị B yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh X cấp dưỡng, anh X đồng ý giao con cho chị B nuôi. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B về việc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh X có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung: Chị B và anh X xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Nợ chung: Chị B và anh X xác định không có nên không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị B phải chịu 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 8, 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Dương Kim B và anh Lê Văn X là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Lim Hoài, sinh ngày 11/7/2012 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét. Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị B, anh X xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Kim B phải chịu 300.000 đồng. Ngày 17/10/2023 chị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0004848 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, chị B đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, chị Dương Kim B và anh Lê Văn X vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Đoan